CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

KIỂM SOÁT TÀI LIỆU

NGÀY BAN HÀNH/ SỬA ĐỔI	MỤC SỬA ĐỔI	TÓM TẮT NỘI DUNG BAN HÀNH
12/05/2023		Ban hành mới
.....		Sửa đổi lần 1
Mức độ mật của văn bản: Thông thường		

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1. Mục đích, đối tượng, phạm vi áp dụng 3

Điều 2. Tài liệu tham chiếu 3

Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt 4

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ 4

Điều 4. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HĐQT 4

Điều 5. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát 6

Điều 6. Quyền ứng cử, đề cử làm thành viên HĐQT và thành viên BKS 6

Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên bầu vào HĐQT và BKS 7

Điều 8. Lựa chọn các ứng cử viên 8

Điều 9. Hình thức và phương thức bầu cử 8

Điều 10. Tổ chức và giám sát Bầu cử 8

Điều 11. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu 9

Điều 12. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu 10

Điều 13. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử 11

Điều 14. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu 11

Điều 15. Quyền chất vấn 11

Điều 16. Phụ lục và các biểu mẫu kèm theo (nếu có) 12

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 12

Điều 17. Điều khoản thi hành 12

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ..... ngày ..... của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng, phạm vi áp dụng

1.1. Mục đích áp dụng

Quy chế này được ban hành nhằm thống nhất quy định về trình tự, thủ tục, quyền lợi và nghĩa vụ của các cổ đông, các cá nhân, đơn vị có liên quan trong quá trình đề cử, ứng cử và bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE.

1.2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE hoặc những người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ hợp lệ, các cá nhân, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức ĐHĐCĐ.

Điều 2. Tài liệu tham chiếu

2.1. Tài liệu nội bộ

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 03.2/2021/NQ-DNSE- ĐHĐCĐ ngày 21/12/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE;
- Quy định ban hành và quản lý văn bản nội bộ ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2021/NQ-DNSE-HĐQT ngày 25/08/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE;
- Các văn bản nội bộ khác có liên quan.

2.2. Tài liệu bên ngoài

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Thông tư số 121/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Lưu ý: Trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc người có thẩm quyền của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ban hành văn bản mới hủy bỏ/ thay thế hoặc sửa đổi/ bổ sung nội dung của các văn bản tham chiếu nêu tại Điều 2 Quy chế này, thì các văn bản mới mặc nhiên có hiệu lực áp dụng và thay thế cho các văn bản ban hành trước đó (trừ trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/ Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE có quy định khác).

Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

- ĐHĐCĐ hoặc Đại hội : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- CT HĐQT : Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Công ty hoặc DNSE : Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
- Điều lệ : Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HĐQT

4.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 thành viên và tối đa là 11 thành viên, số lượng cụ thể trong từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

4.2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có số lượng thành viên độc lập theo quy định như sau (i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; (ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; (iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4.3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc,.

4.4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4.5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4.6. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;

d. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chứng khoán không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác;

e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty (nếu có).

4.7. Ngoài các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4.6, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty (nếu có).

Điều 5. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát

5.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5.2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

5.3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5.2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quyết định của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật.

5.4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Quyền ứng cử, đề cử làm thành viên HĐQT và thành viên BKS

6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

6.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6.4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên bầu vào HĐQT và BKS

7.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS quy định bao gồm các tài liệu sau:

a. Thư ứng cử/ đề cử ứng viên tham gia HĐQT và BKS (theo mẫu tại tài liệu họp ĐHĐCĐ);

b. Bản thông tin cá nhân do ứng cử viên tự khai (theo mẫu tại tài liệu họp ĐHĐCĐ);

c. Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của ứng viên;

d. Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử) (nếu có).

7.2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE tối thiểu 03 (ba) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông theo địa chỉ sau:

Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa Pax Sky, 63-65 Ngô Thì Nhậm, phường Phạm Đình Hổ,

Điện thoại: 024.71089234

Điều 8. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Thư đề cử, ứng cử của các Cổ đông, nhóm Cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào thành viên HĐQT và BKS.

Điều 9. Hình thức và phương thức bầu cử

9.1. Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS của Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu. (Hướng dẫn tại Phụ lục I đính kèm).

9.2. Mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

9.3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.

9.4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một Cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của Cổ đông đó (Bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 10. Tổ chức và giám sát Bầu cử

10.1. Thành lập Ban Kiểm phiếu:

a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

b. Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

10.2. Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

10.3. Ban Kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:

a. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT và BKS;

b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho Cổ đông;

c. Phân phát và thu phiếu bầu cử;

d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các Cổ đông, đại diện Cổ đông;

e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng Cổ đông;

f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;

g. Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng Cổ đông quyết định;

h. Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng Cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 11. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

11.1. Phiếu bầu:

a. Phiếu bầu do Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE phát hành và quy định cụ thể, có mã số Cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/đại diện, tổng số quyền biểu quyết;

b. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu Hội đồng Quản trị và 01 phiếu bầu Ban Kiểm soát theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);

c. Cổ đông hoặc đại diện Cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, Cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

11.2. Cách ghi phiếu bầu:

a. Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, Cổ đông/đại diện ủy quyền của Cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột Số phiếu bầu tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;

b. Nếu không bầu cho ứng cử viên, Cổ đông/đại diện ủy quyền của Cổ đông điền số 0 hoặc gạch chéo vào cột Số phiếu bầu;

c. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, bầu cho tất cả số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào;

d. Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một Cổ đông/đại diện ủy quyền của Cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của Cổ đông/đại diện ủy quyền của Cổ đông đó (bằng số cổ phần số thành viên được bầu);

e. Cổ đông muốn chia đều tổng số phiếu bầu của mình cho tất cả các ứng cử viên thì tích vào ô "Chia đều cho các ứng cử viên". Trường hợp Cổ đông tích vào ô "Chia đều cho các ứng viên" thì không cần ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên.

11.3. Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi thỏa mãn các điều kiện sau:

a. Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của Cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);

c. Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 11.4 Điều này.

11.4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Phiếu không do Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE;

b. Phiếu gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của Cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

e. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của Cổ đông/đại diện ủy quyền của Cổ đông;

f. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 12. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

12.1. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Cổ đông.

12.2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

12.3. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

12.4. Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa phiếu bầu;

12.5. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

12.6. Đối với hình thức tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến qua internet, bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu bằng hình thức gửi phiếu biểu quyết thông qua fax, thư, thư điện tử (gọi chung là "bỏ phiếu từ xa"), việc bỏ phiếu và kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

13.1. Người trúng cử thành viên HĐQT và BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết.

13.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT và BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau;

13.3. Nếu bầu cử không đủ số thành viên HĐQT và BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại;

13.4. Nếu sau khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần ba hoặc để khuyết thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 14. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

14.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

14.2. Toàn bộ Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước toàn thể Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 15. Quyền chất vấn

Các Cổ đông/đại diện Cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ toạ Đại hội, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của Cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội Cổ đông.

Điều 16. Phụ lục và các biểu mẫu kèm theo (nếu có)

STT	TÊN PHỤ LỤC/BIỂU MẪU	SỐ MÃ HIỆU PL/BM
1	Phụ lục số 01 – Quy chế Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông .	PL01.QC-PC/05

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

17.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 12/05/2023.

17.2. Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế này

17.3. Trong quá trình thực hiện, nếu có quy định nào chưa phù hợp, Hội đồng Quản trị sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được lập thành văn bản và phải được Hội đồng Quản trị thông qua.

17.4. Trong trường hợp quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan chưa được đề cập hoặc có đề cập nhưng quy định khác với nội dung trong bản Quy chế này thì quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Hoàng Giang